

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **110/2018/HNGĐ-ST**

Ngày: 26-7-2018.

V/v Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Ngọc Chiến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Vạn.
2. Bà Nguyễn Thị Thúy Oanh.

Thư ký phiên tòa: Ông Quách Minh Tuyên- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phan Mỹ Dung- Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2018, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 1504/2017/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2017 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 243/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 224/2018/QĐST-HNGĐ ngày 04-7-2018; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Võ Thị Tuyết L**, sinh năm: 1976;

Địa chỉ: C3/12B KP 3, Bùi Thanh Khiết, thị trấn Tân Túc, huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh. (có mặt).

Bị đơn: Ông **Trương Quốc B**, sinh năm: 1975;

Địa chỉ: E10/220K ấp 6, xã Tân Nhựt, huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 07 tháng 12 năm 2017, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn bà Võ Thị Tuyết L trình bày:

Bà Võ Thị Tuyết L và ông Trương Quốc B tự nguyện kết hôn vào năm 2007, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn vào năm 2007, theo giấy chứng nhận kết hôn số 69 quyển số 01/2007 do Ủy ban nhân dân phường Tân Hưng, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 28/05/2007, thời gian đầu chung sống hạnh phúc và có một con chung tên là Trương Võ Lưu Nguyên, sinh ngày:

24/6/2007. Đến cuối năm 2009 thì giữa bà và ông B phát sinh nhiều mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân là do tính tình quan điểm sống không còn hòa hợp, vợ chồng không có sự yêu thương chăm sóc lẫn nhau. Nay nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên bà L yêu cầu ly hôn với ông B.

Về con chung: Có một người con chung tên là Trương Võ Lưu Nguyên, sinh ngày: 24/6/2007, Bà L yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, bà yêu cầu ông B phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 5.000.000 (năm triệu) đồng. Nhưng tại bản tự khai ngày 04/6/2018 thì bà Võ Thị Tuyết L rút lại yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Bà L không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Ngoài ra bà L không có yêu cầu gì khác.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt, niêm yết hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập đương sự tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nhưng ông Trương Quốc B vẫn không đến tham gia tố tụng tại Tòa án và cũng không thể hiện ý kiến của mình bằng bất cứ văn bản nào.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa đã phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong suốt quá trình giải quyết vụ án của những người tiến hành tố tụng, tham gia tố tụng. Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên việc giải quyết vụ án vẫn còn vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử.

Về nội dung vụ án: Sau khi phân tích, đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tranh tụng tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Võ Thị Tuyết L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Bà Võ Thị Tuyết L khởi kiện yêu cầu Tòa án cho ly hôn với ông Trương Quốc B, ông Trương Quốc B có nơi cư trú tại huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố

Hồ Chí Minh.

[1.2]. Về sự vắng mặt của bị đơn ông Trương Quốc B, Tòa án đã tiến hành tổng đạt, niêm yết hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập đương sự tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nhưng ông Trương Quốc B vẫn không đến tham gia tố tụng tại Tòa án. Hội đồng xét xử đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông Trương Quốc B theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 69 quyển số 01/2007 do Ủy ban nhân dân phường Tân Hưng, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 28/05/2007, có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Võ Thị Tuyết L và ông Trương Quốc B là hôn nhân hợp pháp được qui định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét quá trình giải quyết vụ án, bà Võ Thị Tuyết L xác nhận là đời sống chung giữa bà và ông Trương Quốc B có nhiều mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không còn hòa hợp, cả hai đã sống ly thân và không còn quan tâm chăm sóc, liên hệ với nhau từ lâu.

Tại kết quả xác minh tình trạng hôn nhân do Ủy ban nhân dân thị trấn Tân Túc, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh cũng cấp có nội dung “ông Trương Quốc B hiện không có sống tại địa phương. Do đó, Ủy ban nhân dân thị trấn Tân Túc, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh không nắm rõ tình trạng hôn nhân của bà L, ông B”.

Qua đó thể hiện bà Võ Thị Tuyết L và ông Trương Quốc B không còn chung sống với nhau, đã sống ly thân, có cơ sở xác định tình trạng hôn nhân giữa bà Võ Thị Tuyết L và ông Trương Quốc B là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy việc bà L yêu cầu ly hôn với ông B là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 và Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Võ Thị Tuyết L.

[2.2] Về con chung: Bà Võ Thị Tuyết L và ông Trương Quốc B có một con chung tên Trương Võ Lưu Nguyên, sinh ngày 24/6/2007. Bà L yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng trẻ Nguyên. Xét trẻ Nguyên từ nhỏ đến nay đều do bà L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và hiện tại trẻ Nguyên đang sống với bà L, đồng thời tại bản nghị nhận ý kiến trẻ thì trẻ Nguyên cũng mong muốn là được ở với mẹ, để ổn định việc học tập, tâm sinh lý của trẻ Nguyên nên Hội đồng xét xử chấp nhận, để bà L tiếp tục là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ Trương Võ Lưu Nguyên.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Tại đơn khởi kiện, bà Võ Thị Tuyết L yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 10.000.000 đồng. Sau đó bà L giảm

yêu cầu xuống còn 5.000.000 đồng và cuối cùng là rút lại yêu cầu, không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con. Xét đây là sự tự nguyện của đương sự, không trái đạo đức xã hội và phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng đối với ông Trương Quốc B.

[2.4] Về tài sản chung: Bà Võ Thị Tuyết L và ông Trương Quốc B tự thỏa thuận, bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà Võ Thị Tuyết L xác nhận là không có.

[2.5] Ông Trương Quốc B đã được Tòa án triệu tập đến để ghi nhận ý kiến, yêu cầu, tiến hành thủ tục giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như việc tham gia phiên tòa xét xử giải quyết vụ án với nguyên đơn nhưng ông B vắng mặt. Vì vậy, ông B đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình, phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ yêu cầu khởi kiện, lời trình bày cũng như chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để làm cơ sở xem xét giải quyết vụ án. Trường hợp các đương sự có tranh chấp về tài sản chung và nợ chung sẽ yêu cầu giải quyết trong một vụ án khác.

[3] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà Võ Thị Tuyết L phải chịu án phí sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Võ Thị Tuyết L đối với ông Trương Quốc B.

Bà Võ Thị Tuyết L được ly hôn với ông Trương Quốc B. Quan hệ hôn nhân giữa bà Võ Thị Tuyết L và ông Trương Quốc B chấm dứt cũng như giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 69 quyền số 01/2007 do Ủy ban nhân dân phường Tân Hưng, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 28/05/2007 không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao trẻ Trương Võ Lưu Nguyên, sinh ngày 24/6/2007 cho bà Võ Thị Tuyết L tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông Trương Quốc B.

Ông Trương Quốc B có quyền tới lui thăm nom chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích con chung khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con sau này.

3. Về tài sản chung: Bà Võ Thị Tuyết L xác nhận là tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà Võ Thị Tuyết L xác nhận là không có. Trường hợp các đương sự có tranh chấp về tài sản chung, nợ chung thì yêu cầu giải quyết bằng một vụ án khác.

5. Về án phí: Bà Võ Thị Tuyết L chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà L đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0031069 ngày 19/12/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà L đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo luật định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND H.BC;
- CCTHADS H.BC;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân
Phường Tân Hưng, quận 7
- Lưu.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Ngọc Chiến

